

Số/ No: 32743.2510/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.12725 2510
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.31371 2510
Trang/ Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/10/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 07-13/10/2025
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 14/10/2025
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 lít
Tên mẫu/ Name of sample : Nước Bể chứa Nhà máy nước Vũng Rô
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1.	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3113B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện/ LOD: Limit of Detection.
(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

Số/ No: 32744.2510/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.12725 2510
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.31372 2510
Trang/ Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/10/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 07-13/10/2025
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 14/10/2025
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 lít
Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối mạng Nhà máy nước Vũng Rô
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1.	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3113B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện/ LOD: Limit of Detection.
(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm